

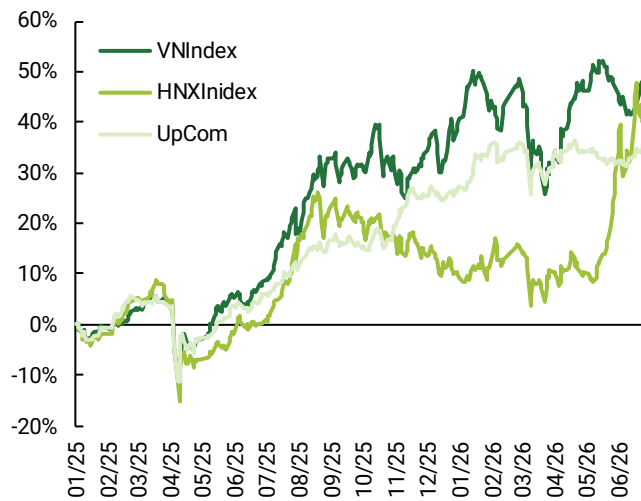
VN-Index **1871.91 (0.47%)**
572 Tr. cổ phiếu 16187.1 Tỷ VND (-0.04%)

HNX-Index **317.83 (-0.50%)**
46 Tr. cổ phiếu 755.2 Tỷ VND (21.37%)

UPCOM-Index **128.92 (0.17%)**
58 Tr. cổ phiếu 897.3 Tỷ VND (93.41%)

VN30F1M **2012.00 (0.28%)**
175,018 HD OI: 29,059 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1871.9, tăng +8.8 điểm (+0.47%). Thanh khoản đi ngang với độ rộng thị trường nghiêng về bên bán. Sắc xanh ghi nhận ở VN30, trong khi HNXIndex giảm điểm (-0.50%).
- Điểm nhấn trong phiên:** Sắc xanh trở lại với thị trường nhờ động lực từ các cổ phiếu trụ lớn, song đà lan tỏa vẫn ở mức kém. Dòng tiền tiếp tục phân hóa vào câu chuyện riêng hơn là lan tỏa ở góc độ ngành.
- Nhóm ngành và cổ phiếu biến động tích cực trong phiên: Bất động sản: VRE (+1.4%), VHM (+3.5%), NLG (+3.9%) | Ngân hàng: STB (+2.1%), SSB (+5.9%) | Tài nguyên Cơ bản: SMC (+3.4%), PTB (+5.8%) | Bán lẻ: MWG (+1.7%), PET (+3.9%). Diễn biến yếu trong phiên: Hóa chất: GVR (-3.0%), DGC (-2.1%), PHR (-1.9%) | Thực phẩm và đồ uống: ANV (-2.2%), BAF (-1.0%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: PVT (-1.3%), VTP (-0.9%) | Dịch vụ tài chính: TVS (-2.6%), CTS (-2.0%), VDS (-1.8%).
Tác động chỉ số: Chiều tăng | VIC, VHM, VCB, SSB, STB - Chiều giảm | LPB, GVR, BSR, BID, GAS.
Khối ngoại Mua ròng gần 300 tỷ, tập trung nhiều ở VHM, VIC, POW, trong khi bán ròng HDB, VNM, MBB.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- VN-Index** kết phiên trong sắc xanh nhờ động lực nâng đỡ từ các cổ phiếu trụ lớn. Dù vậy, thanh khoản ở mức thấp và số mã giảm vẫn chiếm ưu thế, cho thấy lực cầu chưa đồng thuận. Dòng tiền tiếp tục phân hóa mạnh vào các câu chuyện riêng, thiếu nhóm dẫn dắt đủ tạo được lan tỏa. Vận động khả năng còn giằng co, rung lắc quanh khu vực 1850 - 1870 điểm nhằm kiểm định cung cầu và củng cố thêm nền giá. Bên cạnh diễn biến chỉ số, độ rộng thị trường là yếu tố cần được theo dõi sát. Nếu sự lan tỏa của dòng tiền không cải thiện, đà tăng hiện tại sẽ phụ thuộc chủ yếu vào số ít mã trụ và sẽ kém bền vững nếu các cổ phiếu này mất đà.
- Đối với HNX-Index**, chỉ số tiếp tục dao động mạnh trên vùng cao. Vận động đang chịu ảnh hưởng bởi biến động ở mã THD và KSF, rủi ro rung lắc hiện hữu nếu cổ phiếu này mất đà.
- Chiến lược:** Cần lưu ý số lượng cổ phiếu quay lại kiểm định vùng đáy ngắn hạn gia tăng trở lại. Nếu các vùng hỗ trợ này bị phá vỡ đi kèm thanh khoản lớn, nhịp hồi vừa qua nhiều khả năng chỉ mang tính kỹ thuật. Trong bối cảnh đó, trạng thái vận động ở từng mã cũng phân hóa mạnh, theo đó, nhà đầu tư nên theo dõi sát diễn biến dòng tiền và cấu trúc giá của từng cổ phiếu để quản trị rủi ro phù hợp. Hạn chế mua bình quân khi tín hiệu kiểm định chưa rõ ràng.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi TCX (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi			Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,871.9	0.5%	2.6%	-0.7%	16,187.1	0.0%	-14.1%	-18.1%	572.1	3.7%	-6.2%	-21.7%
HNX-Index	317.8	-0.5%	-2.2%	14.3%	755.2	21.4%	-17.5%	-47.8%	45.9	2.2%	-14.4%	-45.7%
UPCOM-Index	128.9	0.17%	1.1%	2.3%	897.3	93.4%	111.7%	1.9%	57.9	100.0%	57.4%	12.2%
VN30	2,008.6	0.2%	2.3%	-1.0%	9,413.1	-14.6%	-22.8%	-16.5%	224.7	-2.6%	-20.5%	-26.8%
VNMID	2,106.6	-0.08%	-2.0%	-4.3%	5,135.9	28.2%	-1.9%	-24.3%	231.1	15.8%	-9.6%	-30.6%
VNSML	1,340.4	-0.17%	-0.8%	-2.2%	779.2	34.6%	28.1%	-23.6%	56.4	33.1%	28.7%	-12.8%
Theo ngành (VNIndex)												
Ngân hàng	652.2	0.1%	2.05%	-0.6%	4,579.0	-8.2%	-31.4%	-25.2%	182.2	-5.6%	-24.6%	-29.2%
Bất động sản	1,029.5	1.7%	8.4%	6.4%	3,573.9	-12.7%	-10.6%	-12.7%	70.5	7.0%	-20.7%	-30.1%
Dịch vụ tài chính	315.5	0.4%	-0.1%	-0.1%	2,397.0	42.6%	3.7%	-1.8%	114.7	39.7%	4.3%	-1.3%
Công nghiệp	259.1	0.0%	-2.3%	-8.1%	710.4	27.1%	-9.8%	-26.1%	22.3	37.5%	-7.5%	-21.4%
Tài nguyên cơ bản	516.3	0.4%	-0.5%	-2.5%	489.6	69.5%	4.1%	-13.3%	24.6	59.1%	4.2%	-12.7%
Xây dựng - Vật Liệu	169.0	0.1%	-0.4%	-1.3%	489.9	16.7%	-15.0%	-30.1%	22.1	11.2%	-22.9%	-40.9%
Thực phẩm	480.2	-0.2%	-6.7%	-27.3%	1,044.8	38.4%	-4.0%	-3.8%	21.0	15.8%	-15.9%	-19.8%
Bán Lẻ	1,440.5	0.9%	0.2%	0.5%	780.7	110.3%	25.8%	21.8%	10.2	94.3%	22.1%	14.9%
Công nghệ	387.9	-0.2%	-0.9%	-3.3%	395.2	-29.7%	-28.4%	-53.2%	6.1	-28.4%	-31.8%	-53.6%
Hóa chất	168.9	-2.2%	-5.9%	-7.6%	317.6	5.6%	-12.9%	-12.4%	10.1	-1.8%	-16.0%	-15.0%
Tiện ích	741.5	-0.2%	-1.8%	-2.0%	595.6	35.1%	30.6%	67.6%	28.3	12.2%	27.1%	76.9%
Dầu khí	99.8	-1.2%	-5.2%	-10.7%	318.6	-9.3%	-32.31%	-31.2%	11.1	-13.6%	-32.7%	-27.0%
Dược phẩm	405.3	-0.03%	-0.1%	-1.9%	25.2	-19.0%	-32.0%	-54.1%	1.3	2.0%	-5.0%	-48.1%
Bảo hiểm	100.5	-0.5%	-3.6%	-5.0%	26.8	8.3%	-12.3%	-22.3%	0.7	33.2%	8.0%	-16.9%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,871.9	0.47%	4.9%	15.2x	2.1x
SET-Index	Thái Lan	1,542	-1.04%	22.4%	16.4x	1.4x
JCI-Index	Indonesia	5,896	-1.72%	-31.8%	14.0x	1.6x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,365	-0.12%	0.5%	15.3x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	6,072	0.02%	0.3%	9.3x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,027	-2.26%	1.5%	20.5x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	22,672	-1.76%	-11.5%	11.9x	1.2x
Nikkei 225	Nhật Bản	69,361	-4.15%	37.8%	26.6x	3.4x
S&P 500	Mỹ	7,357	-0.01%	7.5%	27.1x	5.6x
Dow Jones	Mỹ	51,921	0.14%	8.0%	25.0x	6.0x
FTSE 100	Anh	10,447	-0.78%	5.2%	17.1x	2.4x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,214	-0.86%	7.3%	18.0x	2.5x
DXY		101.2	-0.39%	2.9%		
USDVND		26,298	-0.084%	0.0%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

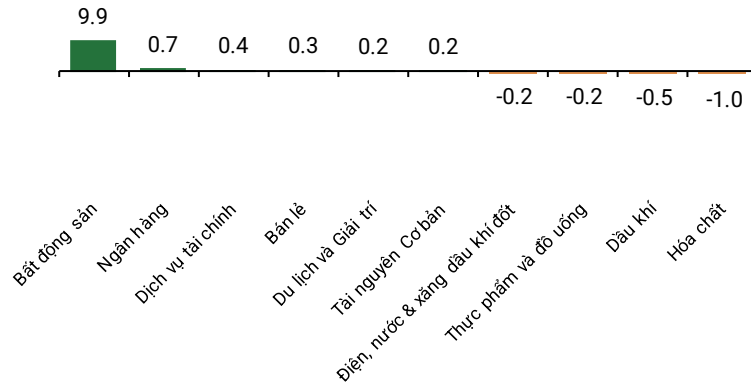
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▼	-3.27%	-26.9%	19.6%	7.5%
Dầu WTI	▼	-3.21%	-25.9%	21.2%	6.7%
Khí gas	▲	1.3%	17.0%	-8.1%	3.9%
Than cốc (*)	▬	0.0%	12.6%	24.3%	57.0%
Thép HRC (*)	▼	-0.3%	-2.9%	1.8%	4.5%
PVC (*)	▼	-1.4%	-8.6%	-3.5%	-9.6%
Phân Urea (*)	▬	0.6%	-38.8%	8.6%	10.4%
Cao su thiên nhiên	▼	-1.0%	-6.1%	16.0%	28.1%
Bông Cotton	▼	-3.7%	-8.7%	9.9%	5.4%
Đường	▲	1.2%	-5.7%	-8.7%	-12.4%
World Container Index	▲	5.0%	53.6%	88.2%	39.7%
Baltic Dirty tanker Index	▼	-6.4%	-6.6%	52.7%	97.1%
Vàng	▬	0.49%	-10.2%	-6.3%	21.6%
Bạc	▬	0.61%	-24.3%	-18.8%	58.8%

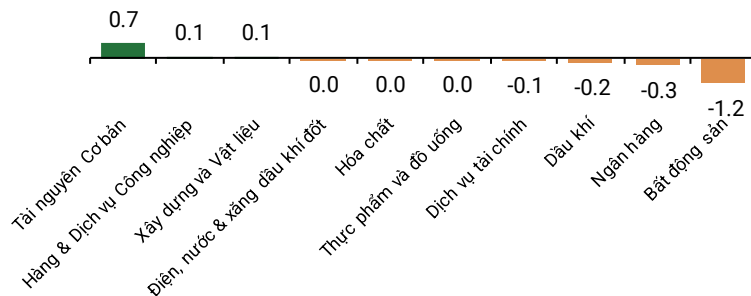
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

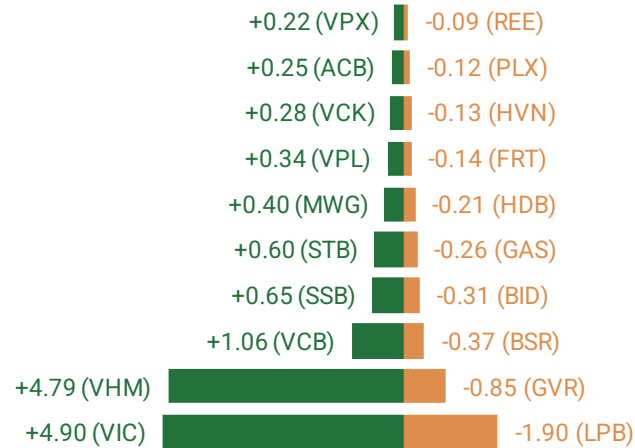
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



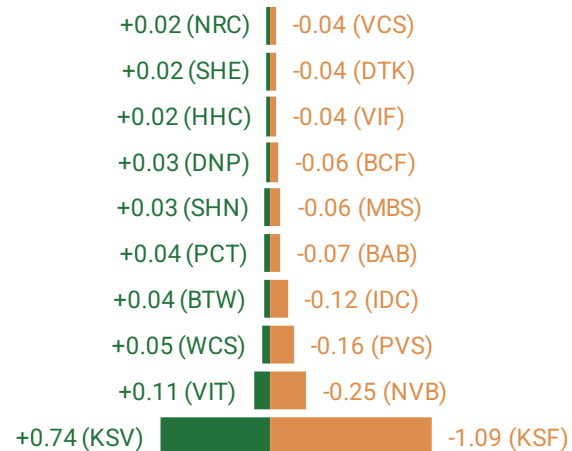
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

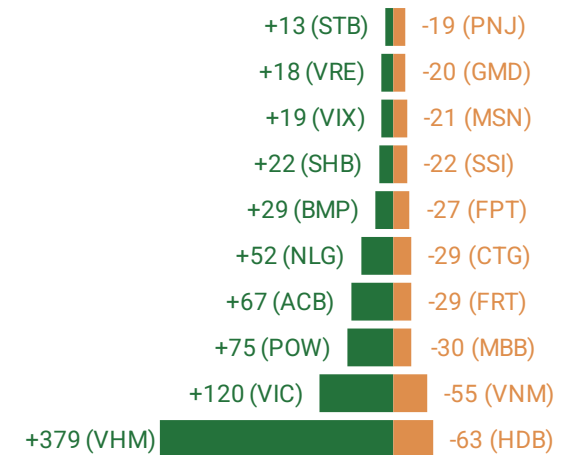


TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

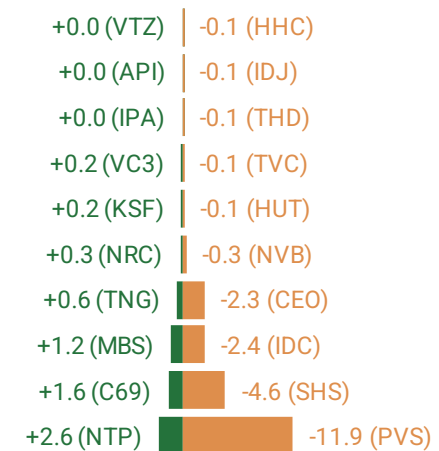


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	VHM	VIC	SHB	STB	VIX
%DoD	3.5%	1.3%	0.0%	2.1%	0.9%
Giá trị	1,686	584	537	508	397

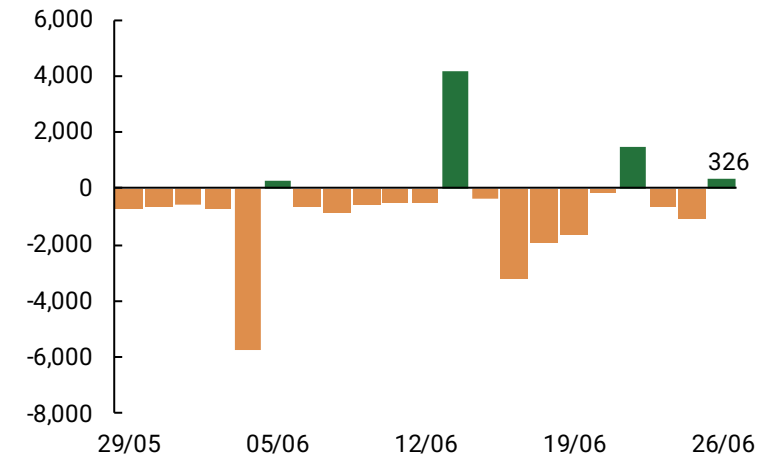
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	HCM	LPB	EIB	VHM	MCH
%DoD	-0.2%	-5.4%	0.2%	3.5%	-0.2%
Giá trị	647	404	365	260	252

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



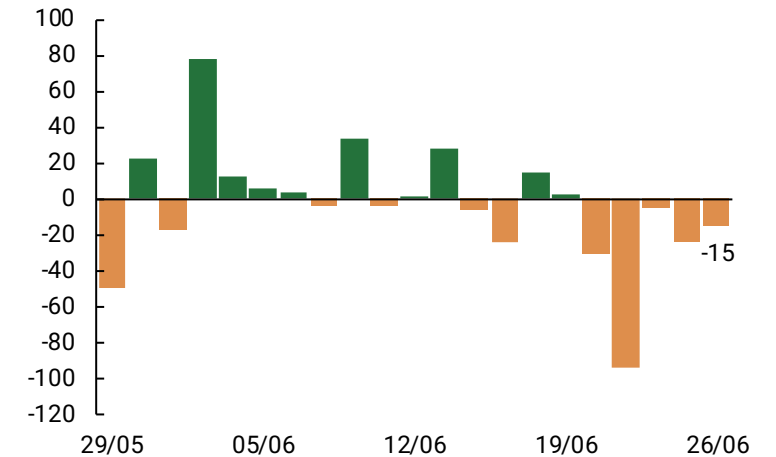
	SHS	PVS	MBS	CEO	VC3
%DoD	0.0%	-1.3%	-0.5%	0.0%	0.4%
Giá trị	113	61	51	37	31

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	SHS	HUT	SDN	VTV	BNA
%DoD	0.0%	0.0%	0.0%	3.0%	-9.8%
Giá trị	151	52	2	1	1

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNINDEX

- ✓ Nến xanh thân nhỏ, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1750 | 1820.
- ✓ Kháng cự: 1880 | 1920.
- ✓ MACD, RSI cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong giai đoạn điều chỉnh.

Kịch bản: Vận động hạ nhiệt về quanh khu vực 1850 điểm nhưng bật tăng trở lại, dù vậy, thanh khoản thấp chưa xác nhận cho phản ứng kiểm định. Trạng thái có thể tiếp tục rung lắc nhằm tích lũy thêm nền giá. Điểm sáng là các chỉ báo kỹ thuật vẫn giữ đà cải thiện, cho thấy tín hiệu kiểm định nghiêng về điều chỉnh mạnh. Hỗ trợ gần được nâng lên quanh ngưỡng 1820 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến đỏ, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1900 | 1960.
- ✓ Kháng cự: 2020 | 2070.
- ✓ MACD, RSI cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong giai đoạn điều chỉnh.

Kịch bản: VN30 tiếp tục biến động quanh mốc tâm lý 2000 điểm. Dù vậy, thanh khoản sụt giảm cho thấy lực cầu trở lại thận trọng. Vận động khả năng còn rung lắc, kiểm định thêm cung cầu quanh mốc tâm lý này. Kháng cự cao hơn trong chiều bút phá quanh ngưỡng 2050 điểm, trong khi hỗ trợ gần được nâng lên quanh mức 1960 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical		Financial Ratio	
Ticker	TCX	WATCH	Current price	45.00	P/E (x)	16.9
Exchange	HOSE		Watch zone	43 - 44	P/B (x)	2.3
Sector	Investment Services		Target price	48	EPS	2668.4
			Cut loss price	41	ROE	14.4%
				Stock Rating	A	
				Scale Market Cap	Large	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá trở lại vận động trên MA20, MA50 ngày.
 - MACD cắt lên đường tín hiệu, cùng với RSI cũng tăng trên ngưỡng trung bình, hàm ý động lượng tăng cải thiện.
 - Thanh khoản phục hồi cho thấy dòng tiền quay trở lại.
- Xu hướng điều chỉnh yếu dần và có thể tiếp tục quán tính tăng.
 → Khuyến nghị Theo dõi, quan sát khi giá hạ nhiệt kiểm định khu vực 43 - 44

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	TCX	Theo dõi	29/06/2026	45.0	43 - 44	-	48	10.3%	41	-5.7%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	MBB	Mua	05/05/2026	-	24.75	25.9 - 26.1	-4.8%	29	11.5%	24.4	-6.2%	
2	VCB	Mua	28/05/2026	-	61.4	63 - 63.5	-2.9%	70	10.7%	60	-5.1%	
3	VLB	Mua	11/06/2026	-	48.8	47.2 - 48	2.5%	52	9.2%	45.5	-4.4%	
4	DHC	Mua	11/06/2026	-	32.8	32.2 - 32.5	1.2%	35.5	9.7%	30.5	-5.7%	
5	SHS	Mua	15/06/2026	-	18.2	18.7 - 18.9	-3.2%	20.8	10.6%	17.8	-5.3%	
6	TPB	Mua	17/06/2026	-	16.1	16.1 - 16.4	-0.9%	18	10.8%	15.5	-4.6%	
7	POW	Mua	19/06/2026	-	14.8	13.8 - 13.9	6.9%	15.4	11.2%	13.2	-4.7%	
8	NAB	Mua	22/06/2026	-	13.1	12.2 - 12.4	6.1%	13.6	10.6%	11.6	-5.7%	



Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 2012, tăng 5.6 điểm (+0.3%). Giá chịu áp lực điều chỉnh đầu phiên nhưng phe Long đã thắng thế hơn trong phiên chiều, thúc đẩy nhịp hồi.
- **Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD vận động dưới đường tín hiệu trong khi RSI cũng gần tiếp cận ngưỡng quá mua, cho thấy động lực bứt phá khả năng yếu dần. Giá có thể hạ nhiệt và kiểm định lại khu vực 2005 – 2010. Vị thế Long chỉ nên cân nhắc khi vận động giữ trên ngưỡng 2010. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1998.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1936.2, tăng 0.7 điểm (+0.04%). Độ lệch basis 1.6 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 52 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1930 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1950 điểm.

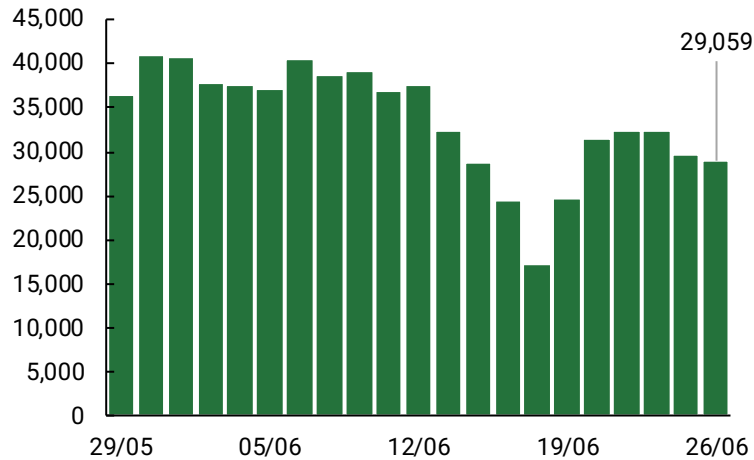
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 2010	2024	2001	14 : 9
Short	< 1998	1984	2005	14 : 7

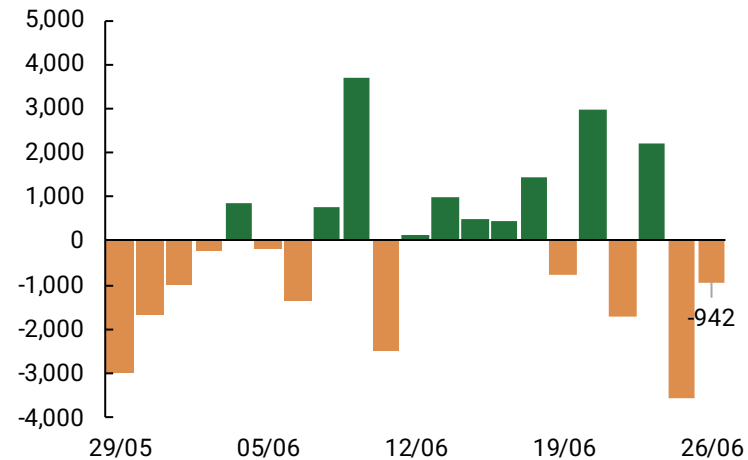
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111GC000	2,005.6	1.9	69	718	2,023.1	-17.5	17/12/2026	174
4111G9000	2,012.4	5.9	105	595	2,015.5	-3.1	17/09/2026	83
4111G8000	2,012.5	6.3	531	453	2,013.1	-0.6	20/08/2026	55
4111G7000	2,012.0	5.6	175,018	29,059	2,010.2	1.8	16/07/2026	20
4112G7000	1,936.2	0.7	52	32	1,939.4	-3.2	16/07/2026	20

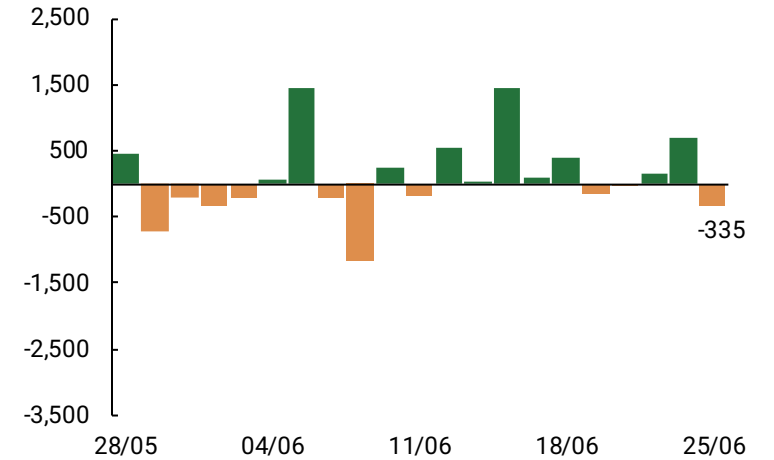
Khối lượng mở (Open interest)



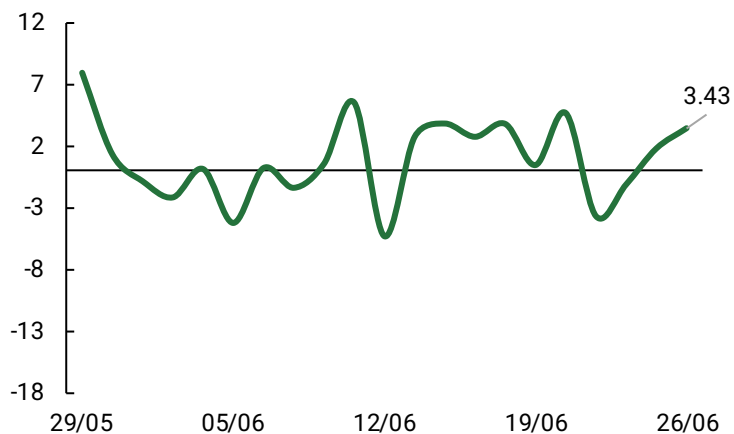
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



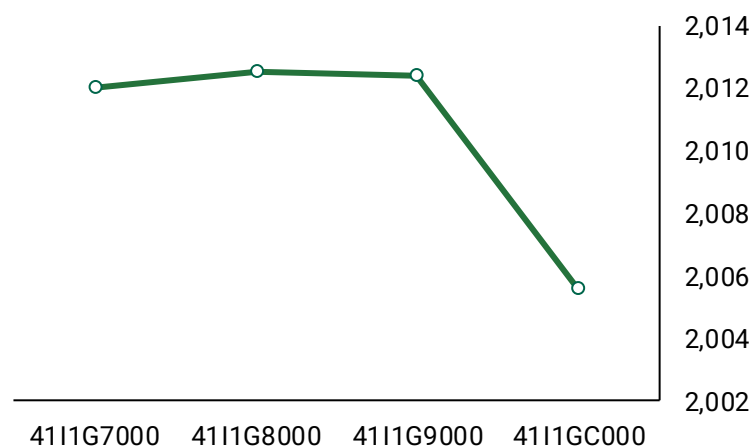
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



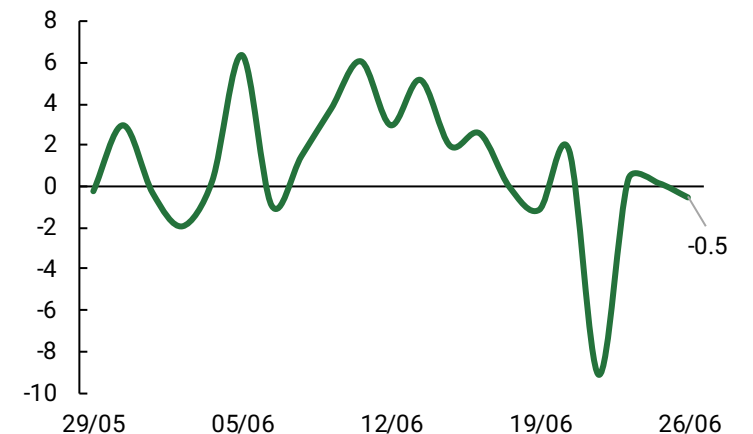
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



- 01/06 Việt Nam, Mỹ - Chỉ số PMI
- 03/06 Việt Nam – Dữ liệu kinh tế vĩ mô tháng 5 và 5 tháng đầu năm
- 05/06 Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
- 10/06 Mỹ - Chỉ số CPI
Trung Quốc - Chỉ số CPI, PPI
- 11/06 Mỹ - Chỉ số PPI
- 13/06 Việt Nam - VNM ETF công bố danh mục
- 16/06 Trung Quốc - Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ
Nhật Bản – BoJ công bố lãi suất
- 17/06 Mỹ - Doanh số bán lẻ
- 18/06 Việt Nam - Đáo hạn hợp đồng phái sinh
Mỹ - FED công bố lãi suất
Anh - BoE công bố lãi suất
- 24/06 Việt Nam - MSCI công bố kết quả xếp hạng thị trường
- 25/06 Mỹ - Chỉ số PCE, dữ liệu GDP sau cùng

THÔNG TIN VĨ MÔ

Lạm phát lõi Mỹ lên cao nhất từ cuối năm 2023, Fed tiếp tục thận trọng: Chỉ số PCE lõi tháng 5 tăng 3.4% so với cùng kỳ, mức cao nhất kể từ tháng 10/2023, trong khi PCE toàn phần tăng 4.1%. Giá năng lượng và chi phí vận tải tiếp tục là động lực chính khiến áp lực giá lan rộng. Các quan chức Fed cho rằng lạm phát vẫn là rủi ro lớn nhất và chưa phát tín hiệu rõ ràng về thời điểm điều chỉnh lãi suất.

Hormuz mở lại khiến thị trường dầu dư cung, nhưng rủi ro an ninh vẫn hiện hữu: Dòng dầu từ Vùng Vịnh phục hồi nhanh sau khi eo biển Hormuz mở cửa trở lại, khiến Brent giảm xuống dưới 75 USD/thùng và một số thị trường chuyển sang trạng thái dư cung. Tuy nhiên, một tàu hàng tiếp tục bị tấn công gần Oman, buộc IMO tạm dừng kế hoạch sơ tán tàu và khiến giá dầu bật tăng trở lại. Diễn biến cho thấy nguồn cung đang cải thiện nhưng hoạt động hàng hải chưa hoàn toàn ổn định.

Petrolimex kiến nghị điều chỉnh cơ chế giá xăng E10: Sau một tuần triển khai cơ chế mới, Petrolimex đề nghị giá bán E10 cần đủ hấp dẫn để khuyến khích người dân sử dụng, đồng thời phản ánh đầy đủ chi phí ethanol, pha chế, kiểm nghiệm, kho bãi và logistics. Nguồn cung ethanol trong nước hiện mới đáp ứng một phần nhu cầu, nên cơ chế giá phù hợp được xem là điều kiện quan trọng để mở rộng nhiên liệu sinh học trên toàn quốc.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

DGC - Lên kế hoạch khắc phục ý kiến ngoại trừ, gỡ cảnh báo cổ phiếu: DGC cho biết sẽ phối hợp với đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm kê chi tiết khoản hàng tồn kho trị giá 950.9 tỷ đồng tại thời điểm cuối tháng 6 và cuối năm 2026. Doanh nghiệp dự kiến khắc phục nội dung ngoại trừ vào quý III/2026 hoặc chậm nhất trong quý I/2027. Từ ngày 30/6, cổ phiếu DGC bị đưa vào diện cảnh báo, đồng thời tiếp tục bị theo dõi ở diện hạn chế giao dịch do chậm nộp BCTC kiểm toán.

HVA - Rà soát toàn bộ hợp đồng hợp tác sau khi Chủ tịch HĐQT bị bắt: HVA cho biết sẽ thành lập tổ công tác rà soát các khoản hợp tác kinh doanh với Trustpay, Onuschain, HanaGold và một số đối tác công nghệ nhằm đánh giá khả năng thu hồi vốn, tái cơ cấu hoặc xử lý theo quy định. Động thái được đưa ra sau khi kiểm toán từ chối đưa ra ý kiến đối với BCTC năm 2025 và Chủ tịch HĐQT HVA bị bắt trong vụ án liên quan tài sản số.

SAS - Thông qua mức cổ tức tiền mặt cao nhất từ trước tới nay: SASCO thông qua cổ tức năm 2025 bằng tiền mặt với tỷ lệ 46.24%, tương ứng 4,624 đồng/cp. Năm 2025, doanh thu đạt 3,535 tỷ đồng, tăng 15% YoY; LNTT đạt 844 tỷ đồng, tăng 67% và vượt 52% kế hoạch. Năm 2026, doanh nghiệp đặt mục tiêu LNTT 802 tỷ đồng và chuẩn bị tham gia các gói thầu tại sân bay Long Thành.

NKG - Nam Kim tăng vốn lên hơn 4,900 tỷ đồng sau đợt trả cổ tức: Thép Nam Kim đã hoàn tất phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, qua đó nâng vốn điều lệ lên hơn 4,900 tỷ đồng. Đợt tăng vốn này giúp doanh nghiệp mở rộng quy mô vốn chủ sở hữu, đồng thời bổ sung nguồn lực phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong giai đoạn tới.

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BCM	52,300	73,400	40.3%	Mua
CTG	33,600	45,200	34.5%	Mua
CTD	71,600	82,900	15.8%	Tăng tỷ trọng
DBD	53,200	68,000	27.8%	Mua
DDV	23,126	35,900	55.2%	Mua
DGW	39,100	47,500	21.5%	Mua
DPG	37,200	42,300	13.7%	Tăng tỷ trọng
DPR	38,450	46,500	20.9%	Mua
DRI	13,367	17,200	28.7%	Mua
EVF	13,100	14,400	9.9%	Nắm giữ
FRT	124,000	157,600	27.1%	Mua
GMD	73,000	92,700	27.0%	Mua
HAH	52,900	60,300	14.0%	Tăng tỷ trọng
HDG	20,550	30,900	50.4%	Mua
HHV	11,150	12,300	10.3%	Tăng tỷ trọng
HPG	23,500	30,700	30.6%	Mua
IMP	42,050	55,000	30.8%	Mua
KDH	21,600	38,800	79.6%	Mua
MCH	127,800	177,200	38.7%	Mua
MWG	78,500	115,600	47.3%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	24,750	34,000	37.4%	Mua
NLG	26,450	39,400	49.0%	Mua
NT2	22,950	27,700	20.7%	Mua
PHR	60,800	72,800	19.7%	Tăng tỷ trọng
PNJ	63,500	75,500	18.9%	Tăng tỷ trọng
PVS	37,500	39,900	6.4%	Nắm giữ
PVT	19,550	18,900	-3.3%	Giảm tỷ trọng
POW	14,800	15,000	1.4%	Nắm giữ
SAB	48,700	57,900	18.9%	Tăng tỷ trọng
SSI	26,400	32,100	21.6%	Mua
TLG	49,300	50,900	3.2%	Nắm giữ
TCB	33,400	41,700	24.9%	Mua
TCM	20,100	35,300	75.6%	Mua
TRC	75,000	94,800	26.4%	Mua
VCB	61,400	84,200	37.1%	Mua
VPB	26,750	36,500	36.4%	Mua
VCG	19,600	26,200	33.7%	Mua
VHC	60,100	58,000	-3.5%	Giảm tỷ trọng
VNM	56,300	66,650	18.4%	Tăng tỷ trọng

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801